

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản. tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 26/6/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2023/TB-TA ngày 04/7/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà N Đ TD- Chức vụ: Tổng giám đốc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông D N H- Giám đốc chi nhánh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ôngH: Bà P T T H – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro. (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 277/GUQ-CNBP ngày 07/7/2022)

Bị đơn: Ông Đ Q H, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T K, huyện H Qu, tỉnh BP. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà P TT Hu trình bày:

Ngày 27/09/2012, Ngân hàng TMCP SG T T (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng với ông Đ Q H với nội dung Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ôngH và cấp hạn mức là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh từng ngày và theo lãi suất của Ngân hàng áp dụng theo từng thời kỳ khác nhau. Lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được thông báo tại thời điểm phát hành thẻ.

Trong quá trình sử dụng, ôngH đã giao dịch rút tiền 01 lần vào ngày 20/10/2012 với số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền ôngH đã giao dịch tính đến ngày 22/08/2023 và còn nợ là 49.563.722 đồng. Từ sau ngày 20/10/2012 ôngH không thực hiện giao dịch rút tiền nào khác và đến nay chưa thanh toán hết số tiền đã vay. Do ôngH vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ của ôngH. Từ ngày 23/01/2015 cho đến nay (ngày 22/08/2023) số tiền nợ gốc 49.563.722 đồng của ôngH bị chuyển sang nợ quá hạn với số tiền lãi là 194.274.234 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu tòa án buộc ông H thanh toán tổng số tiền là 243.837.956 đồng trong đó nợ gốc là 49.563.722 đồng và tiền lãi 194.274.234 đồng, tính từ ngày 23/01/2015 đến ngày xét xử 22/08/2023 và các khoản lãi phát sinh từ sau ngày 22/8/2023 đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ôngH vắng mặt nên không thu thập được lời khai của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Về cơ bản, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm thời hạn xử lý đơn khởi kiện.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ôngH phải trả tiền gốc và lãi vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP S G T T khởi kiện buộc ông Đ Q H có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố A, thị trấn T K, huyện H Q, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng tín dụng (hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức). Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đ Q H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông H theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng), thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, xác định Ngân hàng có ký hợp đồng với ông Đ Q H, qua đó Ngân hàng cấp cho ông H thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ. Đến ngày 20/10/2012, ông H đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền 50.000.000đ và nợ số tiền gốc 49.563.722đ. Từ ngày 23/01/2015 đến nay, ông H không thanh toán số tiền vay cũng như lãi vay. Do ông H vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của hợp đồng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 23 của hợp đồng và khởi kiện yêu cầu buộc ông H thanh toán tiền gốc và lãi vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

Đối với số nợ gốc: Tính đến ngày 22/08/2023, ông H đã giao dịch với số tiền là 50.000.000 đồng và phí trễ hạn 1.899.306 đồng + Lãi 32.286.767 đồng + Các loại phí khác 400.000 đồng – số tiền đã thanh toán 35.022.351 đồng. Ngân hàng cộng số tiền lãi và các loại phí vào số tiền gốc là phù hợp, không trái quy định của pháp luật. Yêu cầu buộc ông H trả số tiền nợ gốc là 49.563.722 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi quá hạn được tính như sau:

Từ ngày 23/01/2015 đến ngày 22/08/2023, số nợ của ông H là 49.563.722 đồng bị chuyển qua nợ quá hạn với mức lãi suất $150\% \times 2,5 = 3,75\%$ /tháng, số tiền lãi là 194.274.234 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi vay là: 49.563.722 đồng + 194.274.234 đồng = 243.837.956 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ là biên bản làm việc ngày 04/8/2023 mà Ngân hàng nộp cho Tòa án thể hiện: Tính tới ngày 04/8/2023 ôngH nợ ngân hàng số tiền gốc là 49.563.722đ, tổng tiền gốc và tiền lãi là 242.714.832 đồng. ÔngH cam kết với ngân hàng: “ Tôi đồng ý với số tiền nợ này nhưng vì hoàn cảnh đang rất khó khăn do tôi đầu tư làm ăn thua lỗ nên không đủ khả năng thanh toán hết nợ cho ngân hàng được. Vì vậy tôi xin ngân hàng hỗ trợ một phần tiền lãi để tôi thu xếp tiền thanh toán nợ cho ngân hàng”. Như vậy ôngH thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng và nợ số tiền gốc và lãi như ngân hàng khởi kiện. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ôngH trả số tiền 243.837.956 đồng có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ôngH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T chịu 5.000.000đ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147, 180, 227, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 4 Điều 161 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2].**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T, buộc ông Đ Q H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T số tiền 243.837.956 (Hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi sáu) đồng trong đó tiền gốc là 49.563.722 đồng và tiền lãi là 194.274.234 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2023) nếu ông Đ Q H không thanh toán số tiền nêu trên thì ông Đ Q H còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng ngày 27/09/2012 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đ Q H phải chịu 12.191.897đ (*Mười hai triệu một trăm chín mươi một ngàn tám trăm chín mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần S G T T không phải chịu án phí. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S G T T số tiền 5.415.000đ (*Năm triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng*) theo biên lai số 00014217 ngày 01/11/2022.

[4]. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T chịu 5.000.000đ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

[5]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Hớn Quản
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên